

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỢT 10/2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế Phú Yên)

TT	Tên cá nhân	Địa chỉ	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Thẻ căn cước	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Chức danh	Văn bằng chuyên môn	Năm TN	Thời gian thực hành	Nơi thực hành	Phạm vi hành nghề	Đề nghị	Số GPHN	Thời hạn GPHN
1	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Khu phố 2, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	21/8/1999	054199009916	17/12/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ Răng hàm mặt	10/7/2023	14/11/2023-14/5/2025	TTYT TX Đông Hòa	Răng hàm mặt	Cấp mới	000430/PY-GPHN	27/5/2030
2	PHAN ĐẶNG PHƯƠNG LINH	Khu phố Ninh Tĩnh 6, phường 9, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	23/02/1999	054199000455	09/4/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	30/12/2023	06/02/2024-05/9/2024; 11/11/2024-11/02/2025	BV Sản nhi Phú Yên; BVĐK tỉnh	Y khoa	Cấp mới	000431/PY-GPHN	27/5/2030
3	TRẦN THỊ MỸ CHI	Thôn Chư Sai, xã EaTrol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	22/5/1999	054199005830	19/8/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	28/7/2023	22/4/2024-21/02/2025; 03/3/2025-02/4/2025	BVĐK tỉnh; BV Sản nhi Phú Yên	Y khoa	Cấp mới	000432/PY-GPHN	27/5/2030
4	HVING HỒ NGỌC	Buôn Chung, xã EaBar, hyên Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	12/11/1997	054197003744	27/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	28/7/2023	02/5/2025-02/5/2025	TTYT huyện Sơn Hòa; BVĐK tỉnh	Y khoa	Cấp mới	000433/PY-GPHN	27/5/2030
5	TRẦN THỊ HỒNG TRÀ	Tân Hội, xã Sơn Hội, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	10/5/1995	054195009862	20/9/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	08/12/2023	02/5/2025-02/5/2025	TTYT huyện Sơn Hòa; BVĐK tỉnh	Y khoa	Cấp mới	000434/PY-GPHN	27/5/2030
6	TRẦN NGỌC TRONG	Đồng Phú, xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	29/3/1999	096199004664	16/02/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	02/10/2023	02/5/2025-02/5/2025	TTYT huyện Sơn Hòa; BVĐK tỉnh	Y khoa	Cấp mới	000435/PY-GPHN	27/5/2030
7	NGUYỄN KIM LÀI	Thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	20/3/1999	054199008428	13/9/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	21/8/2023	22/4/2024-21/02/2025; 03/3/2025-02/4/2025	BVĐK tỉnh; BV Sản nhi Phú Yên	Y khoa	Cấp mới	000436/PY-GPHN	27/5/2030
8	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Khu phố 4, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	25/6/1999	054199006203	02/8/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	31/07/2023	11/11/2023-11/5/2025	BVĐK Tỉnh	Nội khoa	Cấp mới	000437/PY-GPHN	27/5/2030
9	NGUYỄN THÀNH HUY	Khu phố Ninh Tĩnh 4, phường 9, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	01/8/1999	054099009976	05/8/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	28/7/2023	22/4/2024-02/4/2025	BVĐK Tỉnh và BV Sản Nhi	Y khoa	Cấp mới	000438/PY-GPHN	27/5/2030
10	TRẦN THỊ CÁT TƯỜNG	Khu phố Long Châu, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	30/8/1999	054199000038	14/9/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	21/8/2023	22/4/2024-02/4/2025	BVĐK Tỉnh và BV Sản Nhi	Y khoa	Cấp mới	000439/PY-GPHN	27/5/2030
11	TRẦN TRỌNG NHÂN	91 Nguyễn Thái Học, phường 5, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	17/02/1999	054099002846	19/02/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	14/9/2023	22/4/2024-02/4/2025	BVĐK Tỉnh và BV Sản Nhi	Y khoa	Cấp mới	000440/PY-GPHN	27/5/2030
12	BÙI VĂN TUẤN	Phường 9, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	21/5/1999	054099002669	19/7/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sĩ y khoa	18/9/2023	05/01/2024-22/01/2025; 13/3/2025-11/5/2025	BVĐK tỉnh; TTYT Đồng Xuân	Y khoa	Cấp mới	000441/PY-GPHN	27/5/2030

TT	Tên cá nhân	Địa chỉ	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Thẻ căn cước	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Chức danh	Văn bằng chuyên môn	Năm TN	Thời gian thực hành	Nơi thực hành	Phạm vi hành nghề	Đề nghị	Số GPHN	Thời hạn GPHN
13	PHAN HUỖNH CHÂU ANH	Khu phố Long Bình Đông, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	24/7/1999	054199003884	23/10/2024	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sỹ y khoa	21/8/2023	25/3/2024-25/3/2025	BV Nhân dân Gia Định, Tp HCM	Y khoa	Cấp mới	000442/PY-GPHN	27/5/2030
14	TRẦN NHÂN KIẾT	Thôn Ea Kung, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	17/12/1999	066099012711	05/02/2025	Bộ Công an	Việt Nam	Bác sỹ	Bác sỹ y khoa	06/10/2023	22/4/2024-21/02/2025; 03/3/2025-03/5/2025	BVĐK Tỉnh và BV Sản Nhi	Y khoa	Cấp mới	000443/PY-GPHN	27/5/2030
15	ĐÀO VĂN THÁI	Khu phố 1, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	15/5/1968	054068010565	19/12/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng	02/7/2021			Điều dưỡng	Cấp lại do mất	000444/PY-GPHN	27/5/2030
16	ĐỖ THỊ MINH NGUYỆT	Buôn Dành, xã EaBia, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	20/5/1985	054185006656	20/8/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Việt Nam	Y sỹ	Y sỹ	06/01/2023	11/3/2022-11/7/2022; 01/6/2023-01/02/2024	TTYT Sông Hinh	Đa khoa	Cấp mới (thay đổi chức danh)	000445/PY-GPHN	27/5/2030